

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/DS-ST

Ngày: 27-01-2021

V/v Hợp đồng vay tài sản

**N DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Phước Tâm.

2. Bà Hồ Thị Mai Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Kim Xoa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thu Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 44/2020/TLST-DS, ngày 08 tháng 01 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 274/2020/QĐXXST-DS, ngày 22 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐST-DS, ngày 08 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Nguyễn Thanh B, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã N, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:* Lê Văn L, sinh năm 1971 (vắng mặt).

Địa chỉ: số A, khóm M, thị trấn T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Huỳnh Thị M, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3.2. Thái Kim A, sinh năm 1967 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 28/8/2020 và tại phiên hòa giải, ông Nguyễn Thanh B là nguyên đơn trình bày:

Bà Huỳnh Thị M (vợ ông Nguyễn Thanh B) và vợ ông Lê Văn L là chị em ruột. Trước đây ông L có nhờ ông B vay tiền giùm vì ông L không có điều kiện, do là chỗ anh em bạn rề, muốn giúp nhau làm ăn nên ông B đồng ý. Do đó, khoảng năm 2012, ông B đã vay số tiền 250.000.000 đồng tại Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Đồng bằng sông Cửu Long - Phòng giao dịch Cao Lãnh II (nay là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam) rồi giao lại toàn bộ số tiền cho ông L, đối với khoản vay này thì hai bên thỏa thuận ông L có trách nhiệm trả vốn và lãi cho Ngân hàng, ông B chỉ đứng tên vay giùm. Đến năm 2014, ông L thông báo đã thanh toán nợ xong và kêu ông B đến Ngân hàng làm thủ tục tắt toán để nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 24/10/2014, bà Thái Kim A khởi kiện gia đình ông B tại Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, yêu cầu trả số tiền 254.790.000 đồng và tiền lãi vì bà A cho rằng ông B vay số tiền này để thanh toán nợ Ngân hàng nêu trên. Quá trình giải quyết vụ án, ông L đã thừa nhận trách nhiệm trả nợ Ngân hàng và là người yêu cầu bà A chuyển khoản để thanh toán nợ thay ông L chứ không phải ông B, ông B không có trách nhiệm gì trong vụ án. Tuy nhiên, qua các lần Tòa án xét xử thì quyết định ông B phải trả lại số tiền 254.790.000 đồng cho bà A.

Thực tế, giữa ông B và ông L đã thỏa thuận vay tiền Ngân hàng là vay giúp ông L, trách nhiệm trả nợ là của ông L nhưng nay ông B phải trả. Do đó, nay ông B yêu cầu ông L có nghĩa vụ trả ông B số tiền 254.790.000 đồng mà ông B đã trả thay ông L và yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 10%/năm, thời gian tính lãi kể từ ngày 28/8/2020 đến ngày xét xử 27/01/2021 (05 tháng) làm tròn là 10.573.000 đồng, tổng cộng 265.363.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 10/3/2015; ngày 08/4/2015; biên bản lấy lời khai ngày 10/8/2015, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn L trình bày:

Ông L thừa nhận có nhờ ông B đứng tên để vay 254.790.000 đồng ở Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà đồng bằng sông Cửu Long chi nhánh huyện Cao Lãnh. Hàng tháng ông L đóng lãi và tắt toán khoản nợ này. Do trước đây bà A còn nợ ông L số tiền 264.000.000 đồng, không làm giấy tờ nên ông L yêu cầu bà A chuyển số tiền còn thiếu vào tài khoản nợ của ông B tại Ngân hàng. Ông L xác định không có dẫn ông B tới gặp bà A để vay tiền như bà A đã trình bày.

Tại Biên bản làm việc ngày 04/9/2020, bà Thái Kim A là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ngày 17/3/2014, được sự giới thiệu của ông Lê Văn L, bà A có cho ông Nguyễn Thanh B vay số tiền 254.790.000 đồng để đáo nợ ngân hàng. Sau đó ông B

không thực hiện việc trả tiền cho bà A nên bà A đã khởi kiện từ năm 2014 đến nay. Qua nhiều lần Tòa án xét xử, nay ông B đã trả cho bà A số tiền 254.790.000 đồng xong. Việc ông B kiện ông L yêu cầu trả số tiền 254.790.000 đồng không liên quan đến quyền lợi của bà A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của ông Nguyễn Thanh B và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là về hợp đồng vay tài sản, địa chỉ của bị đơn tại huyện Cao Lãnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh quy định tại khoản 3, Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Ông Nguyễn Thanh B là nguyên đơn và bà Thái Kim A là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xin xét xử vắng mặt; ông Lê Văn L là bị đơn và bà Huỳnh Thị M là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh B, yêu cầu ông Lê Văn L trả cho ông B số tiền vay là 254.790.000 đồng và tiền lãi 10.573.000 đồng, tổng cộng 265.363.000 đồng.

[4] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong vụ án, có cơ sở xác định: Vợ ông B và vợ ông L là chị em ruột. Do cần vốn làm ăn nên ông L nhờ ông B vay tiền ngân hàng vì ông B có tài sản để thế chấp. Ông B chỉ đứng tên vay tiền, thực tế ông L nhận và sử dụng tiền vay đồng thời sẽ trả nợ. Năm 2012, ông B thế chấp quyền sử dụng đất tại Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Đồng bằng sông Cửu Long - Phòng giao dịch Cao Lãnh II (nay là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, gọi tắt là Ngân hàng) để vay số tiền 250.000.000 đồng. Sau khi nhận đủ tiền, ông B đã giao toàn bộ số tiền cho ông L. Từ khi vay tiền đến tháng 3/2014, ông L thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ và báo cho ông B biết đã thanh toán xong, yêu cầu ông B đến Ngân hàng để nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nội dung này được ông L thừa nhận và xác định thêm do trước đây bà Thái Kim A còn nợ ông L số tiền 264.000.000 đồng nên khi tất toán khoản vay, ông L đã yêu cầu bà A chuyển số tiền 254.790.000 đồng vào tài khoản nợ của ông B tại Ngân hàng là xem như thực hiện xong nghĩa vụ của các bên. Ngày 24/10/2014, bà A khởi kiện ông B về hợp đồng vay tài sản, yêu cầu ông B trả số tiền 254.790.000 đồng mà bà A đã cho ông B vay vào ngày 17/3/2014 để thanh toán khoản nợ Ngân hàng nêu trên và có yêu cầu tính lãi. Quá trình giải quyết vụ án, ông L thừa nhận khoản vay Ngân hàng là ông B vay cho ông L, ông L có trách nhiệm trả nợ và là người yêu cầu bà A chuyển tiền. Ông B không biết và không vay tiền của bà A. Do đó, cả ông B và ông L đều không có trách nhiệm trả nợ cho bà A. Tuy nhiên, qua nhiều lần xét xử thì ngày 04/9/2020,

ông B đã trả cho bà A số tiền 254.790.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy ông L và ông B đều xác định tại thời điểm tháng 3/2014 ông L là người có trách nhiệm trả nợ Ngân hàng, nhưng thực tế bà A là người chuyển số tiền 254.790.000 đồng vào tài khoản nợ của ông B để tất toán nợ, sau đó ông B đã trả lại số tiền này cho bà A. Như vậy, ông B đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay ông L. Phía ông L cho rằng không vay tiền của bà A, việc bà A chuyển tiền vào tài khoản của ông B là để trả tiền vay cho ông L nhưng không được bà A thừa nhận, ông L cũng không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Quá trình giải quyết yêu cầu của ông B, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông L nhưng ông L không có ý kiến cũng như không tham gia các phiên họp, phiên tòa. Như vậy, ông L đã vi phạm thỏa thuận giữa ông B và ông L về việc ông L là người có trách nhiệm trả khoản nợ mà ông B vay Ngân hàng vào năm 2012. Đến ngày 17/3/2014, ông L phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền là 254.790.000 đồng nhưng không thực hiện mà ông B đã trả thay. Do đó, nay ông B khởi kiện yêu cầu ông L trả lại số tiền 254.790.000 đồng là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 463 và 466 Bộ luật dân sự 2015.

[5] Về yêu cầu trả tiền lãi: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và phân tích nêu trên thì thấy từ ngày 17/3/2014, ông L phải có nghĩa vụ trả số tiền 254.790.000 đồng nhưng đến nay vẫn chưa thực hiện nên ông B có quyền yêu cầu tính lãi. Tuy nhiên, ông B chỉ yêu cầu tính lãi kể từ ngày 28/8/2020 đến ngày xét xử hôm nay 27/01/2021 (05 tháng) theo mức lãi suất 10%/năm, làm tròn thành số tiền 10.573.000 đồng là sự tự nguyện của ông B, phù hợp quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên chấp nhận.

[6] Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông B, buộc ông L trả cho ông B số tiền vay là 254.790.000 đồng và tiền lãi 10.573.000 đồng, tổng cộng 265.363.000 đồng.

[7] Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự 2015 để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ như đã phân tích trên.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông B, buộc ông L có nghĩa vụ trả nợ nên ông L phải chịu án phí theo quy định pháp luật, trả lại cho ông B số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 26, 35, 39, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh B.

2. Buộc ông Lê Văn L có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Thanh B số tiền 265.363.000 đồng (Hai trăm sáu mươi lăm triệu ba trăm sáu mươi ba nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Lê Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 13.269.000 đồng (Mười ba triệu hai trăm sáu mươi chín nghìn đồng).

- Ông Nguyễn Thanh B không phải chịu án phí nên được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.370.000 đồng (Sáu triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004050, ngày 03/9/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp.

4. Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND H. Cao Lãnh;
- CC THADS H. Cao Lãnh;
- TAND tỉnh ĐT;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phan Thị Phương Thảo